

Biểu số: 04/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2024/TT-BTP
ngày 10 tháng 6 năm 2024
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẢNG VIỆC CHIA THEO
CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ CHẤP HÀNH VIỆN

Đơn vị, người báo cáo: Cục THADS tỉnh Đắk Lắk
Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục Thi hành án dân sự

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:			Ủy thác THA	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong trong số có điều kiện
			Năm trước chuyển sang (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Thụ lý mới	Tổng số có điều kiện thi hành				Chia ra:			Đang thi hành	Hoàn THA theo điểm c khoản 1 điều 48	Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoàn THA (trừ số hoãn theo điểm c khoản 1 Điều 48)	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác			
									Chia ra:											
A			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng số	12.461	6.977	5.484	41	2	12.418	8.603	4.264	4.185	79	4.322	17	3.311	321	6	177	8.154	49,56%	
I	Cục THADS tỉnh	459	220	239	8	-	451	375	170	169	1	205	-	46	17	-	13	281	45,33%	
1	Vũ Tuấn Anh	4	-	4	-	-	4	4	4	4	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00%	
2	Bùi Công Mười	4	-	4	-	-	4	4	4	4	-	-	-	-	-	-	-	-	100,00%	
3	Phan Hùng Dung	8	3	5	3	-	5	5	3	3	-	2	-	-	-	-	-	2	60,00%	
4	Mai Thanh Bình	74	22	52	-	-	74	67	24	24	-	43	-	7	-	-	-	50	35,82%	
5	Lê Danh Hải	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
6	Đoàn Thị Doan	122	66	56	2	-	120	76	45	45	-	31	-	31	9	-	4	75	59,21%	
7	Trương Quang Đạt	115	80	35	1	-	114	99	28	27	1	71	-	3	8	-	4	86	28,28%	
8	Nguyễn Thị Trang Dung	132	49	83	2	-	130	120	62	62	-	58	-	5	-	-	5	68	51,67%	
II	Các Chi cục THADS	12.002	6.757	5.245	33	2	11.967	8.228	4.094	4.016	78	4.117	17	3.265	304	6	164	7.873	49,76%	
1	Buôn Ma Thuột	2.940	1.798	1.142	16	-	2.924	1.907	910	892	18	994	3	871	54	-	92	2.014	47,72%	
1.1	Nguyễn Anh Tuấn	64	23	41	-	-	64	64	35	35	-	29	-	-	-	-	-	29	54,69%	
1.2	Phan Văn Trung	359	265	94	3	-	356	211	87	83	4	124	-	135	7	-	3	269	41,23%	
1.3	Hoàng Thị Thu Phương	265	133	132	-	-	265	181	94	90	4	87	-	48	12	-	24	171	51,93%	
1.4	Lê Hồng Thủy	416	240	176	2	-	414	284	152	152	-	132	-	125	-	-	5	262	53,52%	
1.5	Nguyễn Thanh Hà	300	176	124	1	-	299	222	95	95	-	127	-	63	5	-	9	204	42,79%	
1.6	Phan Xuân Bình	423	305	118	2	-	421	240	105	98	7	134	1	161	6	-	14	316	43,75%	
1.7	Lê Thành Văn	334	181	153	-	-	334	233	120	117	3	113	-	75	13	-	13	214	51,50%	
1.8	Phạm Văn Kháng	256	148	108	4	-	252	164	87	87	-	77	-	80	4	-	4	165	53,05%	
1.9	Trần Văn Lập	269	167	102	2	-	267	156	65	65	-	89	2	94	5	-	12	202	41,67%	

Đơn vị tính: Việc và %

Đơn vị tính: Việc và %

1.10	Thái Thị Minh Loan	254	160	94	2	-	252	152	70	70	-	82	-	90	2	-	8	182	46.05%
2	M'Đrăk	351	170	181	1	-	350	236	127	124	3	109	-	92	22	-	-	233	53.81%
2.1	Nguyễn Văn Hải	71	30	41	-	-	71	50	27	25	2	23	-	18	3	-	-	44	54.00%
2.2	Nguyễn Văn Định	157	88	69	1	-	156	105	44	43	1	61	-	39	12	-	-	112	41.90%
2.3	Văn Thị Tỷ	123	52	71	-	-	123	81	56	56	-	25	-	35	7	-	-	67	69.14%
3	Lăk	257	124	133	-	-	257	213	115	114	1	96	2	33	11	-	-	142	53.99%
3.1	Nguyễn Đức Thọ	18	-	18	-	-	18	18	16	16	-	2	-	-	-	-	-	2	88.89%
3.2	Đỗ Hữu Hưng	69	37	32	-	-	69	56	30	30	-	26	-	10	3	-	-	39	53.57%
3.4	Phạm Thị Hồng	170	87	83	-	-	170	139	69	68	1	68	2	23	8	-	-	101	49.64%
4	Krông Pắc	1.076	572	504	-	-	1.076	776	379	374	5	395	2	271	27	2	-	697	48.84%
4.1	Lê Khắc Đức	3	-	3	-	-	3	3	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	100.00%
4.2	Đàm Thị Như Thủy	139	83	56	-	-	139	102	50	49	1	52	-	32	5	-	-	89	49.02%
4.3	Trần Thanh Hà	156	119	37	-	-	156	112	31	29	2	80	1	40	4	-	-	125	27.68%
4.4	Hoàng Văn Đình	290	196	94	-	-	290	175	76	75	1	98	1	99	16	-	-	214	43.43%
4.5	Phạm Tiến Đạt	162	59	103	-	-	162	161	85	85	-	76	-	1	-	-	-	77	52.80%
4.6	Nguyễn Thiên Thành	208	114	94	-	-	208	105	44	43	1	61	-	99	2	2	-	164	41.90%
4.7	Cao Tiến Dũng	118	1	117	-	-	118	118	90	90	-	28	-	-	-	-	-	28	76.27%
5	Krông Năng	915	472	443	4	-	911	691	418	416	2	272	1	172	28	-	20	493	60.49%
5.1	Lê Quốc Hưng	64	48	16	-	-	64	40	22	22	-	18	-	19	3	-	2	42	55.00%
5.2	Nguyễn Quang Sơn	215	142	73	-	-	215	174	76	75	1	98	-	35	3	-	3	139	43.68%
5.3	Trần Thiế Anh	190	117	73	-	-	190	118	73	73	-	45	-	65	7	-	-	117	61.86%
5.4	Nguyễn Văn Hùng	170	91	79	-	-	170	125	76	76	-	48	1	36	8	-	1	94	60.80%
5.5	Nguyễn Đình Vĩnh	146	47	99	2	-	144	132	96	95	1	36	-	8	-	-	4	48	72.73%
5.6	Lê Thị Ngọc Mùi	130	27	103	2	-	128	102	75	75	-	27	-	9	7	-	10	53	73.53%
6	Krông Búk	573	348	225	1	-	572	358	214	211	3	142	2	187	26	1	-	358	59.78%
6.1	Trần Tiến Dũng	109	72	37	-	-	109	69	31	29	2	38	-	36	4	-	-	78	44.93%
6.2	Nguyễn Bá Tình	172	97	75	-	-	172	102	73	73	-	29	-	67	3	-	-	99	71.57%
6.3	Trần Thị Hoài Phi	161	93	68	-	-	161	113	63	63	-	48	2	41	6	1	-	98	55.75%
6.4	Nguyễn Văn Cường	131	86	45	1	-	130	74	47	46	1	27	-	43	13	-	-	83	63.51%
7	Krông Bông	315	108	207	2	-	313	271	145	144	1	126	-	37	5	-	-	168	53.51%

7.1	Hà Thế Khuyến	101	37	64	-	-	101	83	60	60	-	23	-	14	4	-	-	41	72.29%
7.2	Võ Minh Sơn	108	25	83	2	-	106	88	46	45	1	42	-	17	1	-	-	60	52.27%
7.3	Bùi Công Thành	106	46	60	-	-	106	100	39	39	-	61	-	6	-	-	-	67	39.00%
8	Krông Ana	550	230	320	-	-	550	417	238	233	5	177	2	114	5	-	14	312	57.07%
8.1	Nguyễn Thị Hà	182	82	100	-	-	182	154	85	82	3	69	-	22	3	-	3	97	55.19%
8.2	Phạm Công Thuận	155	48	107	-	-	155	113	80	78	2	33	-	33	2	-	7	75	70.80%
8.3	Nguyễn Gia Hưng	213	100	113	-	-	213	150	73	73	-	75	2	59	-	-	4	140	48.67%
9	Ea Súp	294	117	177	2	-	292	229	138	134	4	90	1	42	2	-	19	154	60.26%
9.1	Nguyễn Trọng Dũng	96	49	47	-	-	96	73	42	41	1	30	1	23	-	-	-	54	57.53%
9.2	Nguyễn Như Sơn	100	34	66	-	-	100	82	50	48	2	32	-	9	2	-	7	50	60.98%
9.4	Đặng Công Châu	98	34	64	2	-	96	74	46	45	1	28	-	10	-	-	12	50	62.16%
10	Ea Kăk	1.003	504	499	1	1	1.001	704	402	399	3	300	2	255	36	-	6	599	57.10%
10.1	Hoàng Văn Trung	167	101	66	-	-	167	119	45	45	-	74	-	36	6	-	6	122	37.82%
10.2	Hồ Thị Thanh Lý	240	89	151	-	1	239	178	125	124	1	53	-	60	1	-	-	114	70.22%
10.4	Đỗ Ngọc Hoàng	222	128	94	-	-	222	169	73	73	-	96	-	34	19	-	-	149	43.20%
10.5	Nguyễn Thị Tâm	187	71	116	-	-	187	146	91	91	-	54	1	31	10	-	-	96	62.33%
10.6	Đào Xuân Duân	187	115	72	1	-	186	92	68	66	2	23	1	94	-	-	-	118	73.91%
11	Ea H'leo	1.205	785	420	-	-	1.205	643	247	239	8	396	-	516	46	-	-	958	38.41%
11.1	Hoàng Văn Mười	53	-	53	-	-	53	53	52	52	-	1	-	-	-	-	-	1	98.11%
11.2	Trương Hoài Vũ	487	329	158	-	-	487	260	62	59	3	198	-	206	21	-	-	425	23.85%
11.3	Bùi Lâm	397	269	128	-	-	397	204	82	78	4	122	-	171	22	-	-	315	40.20%
11.4	Vũ Đình Thanh Nhã	268	187	81	-	-	268	126	51	50	1	75	-	139	3	-	-	217	40.48%
11.5	Phạm Minh Tuyển	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
12	Cư M'gar	1.136	794	342	2	-	1.134	812	256	251	5	555	1	284	26	3	9	878	31.53%
12.1	Nguyễn Đình Kiên	186	92	94	-	-	186	144	65	65	-	78	1	29	12	-	1	121	45.14%
12.2	Nguyễn Thị Lan Hương	173	139	34	-	-	173	103	24	24	-	79	-	60	9	-	1	149	23.30%
12.3	Nguyễn Văn Tân	305	248	57	1	-	304	189	58	53	5	131	-	110	2	3	-	246	30.69%
12.4	Trương Ngọc Chung	297	230	67	1	-	296	217	48	48	-	169	-	77	2	-	-	248	22.12%
12.5	Vũ Thành Luân	138	78	60	-	-	138	131	39	39	-	92	-	6	1	-	-	99	29.77%
12.6	Trần Quốc Toàn	15	7	8	-	-	15	15	9	9	-	6	-	-	-	-	-	6	60.00%
12.7	Đào Thị Hương	22	-	22	-	-	22	13	13	13	-	-	-	2	-	-	7	9	100.00%

13	Cư Kvin	534	279	255	-	-	534	382	147	145	2	235	-	148	4	-	-	387	38.48%
13.1	Trần Văn Dĩnh	35	2	33	-	-	35	35	26	25	1	9	-	-	-	-	-	9	74.29%
13.3	Hoàng Thanh Sơn	325	194	131	-	-	325	186	52	51	1	134	-	137	2	-	-	273	27.96%
13.4	Trịnh Bích Vân	174	83	91	-	-	174	161	69	69	-	92	-	11	2	-	-	105	42.86%
14	Buôn Hồ	501	225	276	1	-	500	381	261	249	12	119	1	107	12	-	-	239	68.50%
14.1	Nguyễn Huy Thành	59	18	41	-	-	59	49	40	39	1	9	-	8	2	-	-	19	81.63%
14.2	Dương Văn Biên	151	87	64	-	-	151	107	75	72	3	32	-	44	-	-	-	76	70.09%
14.3	Phạm Thanh Thao	134	62	72	1	-	133	100	67	61	6	32	1	27	6	-	-	66	67.00%
14.4	Phan văn Bình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14.5	Trần Trọng Việt Hà	157	58	99	-	-	157	125	79	77	2	46	-	28	4	-	-	78	63.20%
15	Buôn Đôn	352	231	121	3	1	348	208	97	91	6	111	-	136	-	-	4	251	46.63%
15.1	Hoàng Đức Sĩ	14	-	14	-	-	14	13	12	12	-	1	-	-	-	-	1	2	92.31%
15.2	Nguyễn Kim Tuấn	180	135	45	1	-	179	87	31	29	2	56	-	90	-	-	2	148	35.63%
15.3	Phan Ngọc Sơn	57	25	32	-	-	57	43	22	22	-	21	-	13	-	-	1	35	51.16%
15.4	Nguyễn Mạnh Hùng	101	71	30	2	1	98	65	32	28	4	33	-	33	-	-	-	66	49.23%

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 02 năm 2025

NGƯỜI LẬP BIỂU

Chữ ký

Nguyễn Hữu Thành

Đắk Lắk, ngày 03 tháng 02 năm 2025

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Chữ ký

Bm Công Mười

